

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/3/2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hiền

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 503/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 3, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Đỗ Thanh T cưới nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về tiền bạc, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự nhẫn nhịn nhau, không còn yêu thương nhau, dẫn đến cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, bế tắc. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2010, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2024 bị đơn Đỗ Thanh T trình bày: Anh và chị H là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Khi anh đi làm không có ở nhà thì H tự mang đồ bỏ về nhà cha mẹ H sống, anh có đến gặp chị H năn nỉ rước về nhưng chị H không về và còn chặn điện thoại của anh. Nay chị H xin ly hôn nhưng anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2010, hiện đang sống cùng chị H, hiện con chung có ý kiến muốn tiếp tục sống với chị H thì anh đồng ý để chị H nuôi nhưng anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trần Thị Ngọc H đối với anh Đỗ Thanh T. Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2010, hiện đang sống cùng chị H, hiện con chung có ý kiến muốn tiếp tục sống với chị H và anh T cũng đồng ý để chị H nuôi nên đề nghị để con chung cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Đỗ Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

vào ngày 12/5/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2023 do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên không thể hòa giải, không thể khắc phục những mâu thuẫn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị H xin ly hôn với anh T. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không thể năn nỉ hàn gắn tình cảm được với chị H, bởi chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có 01 con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2010, hiện đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện con chung có ý kiến muốn tiếp tục sống với chị H, anh T cũng đồng ý để chị H nuôi nên xét yêu cầu của chị H là có căn cứ phù hợp với điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị H phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Đỗ Thanh T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản

trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001454 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Mỹ Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường Trịnh Thị Hồng T1 Nguyễn Duy L1